TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2025/QĐST- HNGĐ	*Chư Prông, ngày 24 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 249/2024/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa;

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Lực, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Nông trường 3, Công ty Quang Đức, xã Ia Púch, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tiền, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Nông trường 3, Công ty Quang Đức, xã Ia Púch, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Lực và chị Nguyễn Thị Tiền.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

V*ề quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn Lực và chị Nguyễn Thị Tiền đã được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2010. Nay, anh Bùi Văn Lực và chị Nguyễn Thị Tiền đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, anh Bùi Văn Lực và chị Nguyễn Thị Tiền thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Bùi Văn Lực và chị Nguyễn Thị Tiền có 02 con chung là Bùi Anh Nhật, sinh ngày 01/9/2010 và Bùi Thị Linh Đan, sinh ngày 04/6/2012. Anh Lực và chị Tiền thống nhất thỏa thuận giao cho chị Tiền có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu là Bùi Anh Nhật và Bùi Thị Linh Đan cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Văn Lực có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung là Bùi Anh Nhật và Bùi Thị Linh Đan mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 03/2025 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Văn Lực phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; chị Nguyễn Thị Tiền phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Bùi Văn Lực tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng cả phần của chị Nguyễn Thị Tiền nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007052 ngày 04/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Anh Bùi Văn Lực đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Prông (02 bản);
- UBND xã Thạnh Đông (01 bản);
- THA huyện Chư Prông (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản).

THẨM PHÁN

Lê Văn Nhiều